

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm **Chi tiết máy (207100)** - 001_DH14CC_02

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH10CD (Đại học chính quy (Tin chỉ)-Cơ - Điện tử-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	10133051	Nguyễn Trọng	Tuyền	DH10CD		4,4	5,8	5,7	5,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	11138011	Huỳnh Minh	Vũ	DH11CD						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12115034	Trần Hữu	Trang	DH12CB		8,5	5,8	1,7	4,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13115058	Võ Hồng	Trương	DH12CB		8,8	5,2	3,0	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12118013	Đỗ Văn	Hai	DH12CC		9,5	8,0	7,2	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12118062	Võ Thanh	Mệnh	DH12CC		8,1	5,3	3,5	5,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12153048	Trần Văn	Đạt	DH12CD		4,0	0,5	1,5	1,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12153146	Nguyễn Lý	Thôi	DH12CD		2	0,3	1,0	0,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13115162	Ngô Ngọc Bích	Châu	DH13GH		8,0	3,0	5,0	5,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13115194	Trần Thuần	Đức	DH13CB		9,5	5,2	1,5	5,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13115138	Dương Thị Hồng	Trình	DH13GB		8,8	7,5	5,8	7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13115144	Trần Trung	Trí	DH13CB		8,5	8,1	3,0	5,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13115167	Phạm Vũ Bích	Uyên	DH13GB		9,0	4,6	6,5	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13115175	Trương Xuân	Vinh	DH13CB						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118014	Bùi Văn	Hạo	DH13CC		9,5	6,6	8,8	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05053



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DHH4CC_02

Số Tin CT: 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DHH3CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118075	Vũ Văn Anh	DHH3CC			9,5	7,5	4,2	6,4	00012345678910	0123456789
17	13118089	Bùi Thanh Cường	DHH3CC			9,5	5,8	3,5	5,6	00012345678910	0123456789
18	13118113	Phạm Thành Đạt	DHH3CC			9,5	7,3	4,0	4,7	00012345678910	0123456789
19	13118240	Huyền Hiền Phước	DHH3CC			10	5,5	4,0	4,4	00012345678910	0123456789
20	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DHH3CC			8,5	4,9	5,0	5,9	00012345678910	0123456789
21	13118319	Nguyễn Huy Trung	DHH3CC							00012345678910	0123456789
22	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DHH3CC			8,8	6,1	4,3	4,4	00012345678910	0123456789
23	13137002	Nguyễn Tấn Hậu	DHH3NL			9,3	6,9	4,5	6,3	00012345678910	0123456789
24	13138232	Trần Hữu Trọng	DHH3LD			8,8	4,3	6,5	6,5	00012345678910	0123456789
25	13153007	Phạm Tiến Đức	DHH3CD			9,5	4,3	6,0	6,5	00012345678910	0123456789
26	13153014	Trần Đình Minh	DHH3CD			8,1	7,0	4,0	4,3	00012345678910	0123456789
27	13153023	Đặng Thánh Thảo	DHH3CD			10	10	3,5	6,8	00012345678910	0123456789
28	13153138	Trần Quang Kỳ	DHH3CD			9,3	4,3	5,0	5,9	00012345678910	0123456789
29	13153164	Trần Ngọc Nhân	DHH3CD			8,1	6,3	2,0	4,6	00012345678910	0123456789
30	13153186	Trần Minh Quang	DHH3CD			10	6,8	3,1	5,8	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05053

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14CC_02

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV102

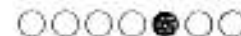
Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13153269	Võ Thành Văn	DH13CD			9	9,5	7,0	8,1	0012345678910	0123456789
32	13154070	Nguyễn Võ Hoàng Vũ	DH1301			9	9,8	2,5	1,5	0012345678910	0123456789
33	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD101			10	11,0	2,0	11,5	0012345678910	0123456789
34	13334189	Đặng Tuấn Thi	CD101			10	5,4	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
35	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD101			8,5	3,8	1,8	4,0	0012345678910	0123456789
36	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH1403			9,5	6,0	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
37	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH1403			9,5	4,5	11,0	5,5	0012345678910	0123456789
38	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH1403			9,5	6,0	11,5	6,1	0012345678910	0123456789
39	14118024	Phạm Thanh Hiền	DH1403							0012345678910	0123456789
40	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH1403			9,3	6,5	7,7	7,8	0012345678910	0123456789
41	14118045	Trần Trọng Nhân	DH1403			8,1	6,3	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
42	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH1403			8,1	5,9	9,7	8,4	0012345678910	0123456789
43	14118057	Nguyễn Vĩnh Tài	DH1403							0012345678910	0123456789
44	14118080	Cao Văn Trích	DH1403			8,8	5,5	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
45	14118094	Lê Minh Vũ	DH1403			9,0	2,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05053

Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14CC_02

Số Tin.Ch: 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

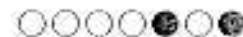
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên: SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14118104	Nguyễn Tấn	Bao	DH14CC						00012345678910	0123456789
47	14118105	Nguyễn Văn	Bình	DH14CC	<i>Nguyễn Văn Bình</i>	9,5	5,3	3,5	5,5	00012345678910	0123456789
48	14118148	Cao Thanh	Giảng	DH14CC	<i>Cao Thanh</i>	9,5	5,6	8,0	7,8	00012345678910	0123456789
49	14118160	Võ Đức	Hiệp	DH14CC	<i>Võ Đức Hiệp</i>	9,3	4,5	3,7	5,3	00012345678910	0123456789
50	14118178	Trần Ngọc	Tùng	DH14CC	<i>Trần Ngọc Tùng</i>	9,8	3,8	6,0	6,4	00012345678910	0123456789
51	14118193	Trần Như	Long	DH14CC	<i>Trần Như Long</i>	8,1	3,1	6,2	5,9	00012345678910	0123456789
52	14118206	Lê Tư	Nguyên	DH14CC	<i>Lê Tư Nguyên</i>	8,1	4,5	5,0	5,7	00012345678910	0123456789
53	14118208	Võ Tấn	Nguyên	DH14CC	<i>Võ Tấn Nguyên</i>	8,5	8,5	8,5	8,5	00012345678910	0123456789
54	14118222	Nguyễn Đoàn	Phượng	DH14CC	<i>Nguyễn Đoàn Phượng</i>	10	4,8	4,0	5,7	00012345678910	0123456789
55	14118228	Trần Hân	Phước	DH14CC	<i>Trần Hân Phước</i>	10	2,0	4,3	5,2	00012345678910	0123456789
56	14118243	Nguyễn Thế	Sơn	DH14CC	<i>Nguyễn Thế Sơn</i>	10	7,5	8,8	8,8	00012345678910	0123456789
57	14118256	Nguyễn Quốc	Thăng	DH14CC	<i>Nguyễn Quốc Thăng</i>	10	3,5	3,4	5,1	00012345678910	0123456789
58	14118263	Nguyễn Tấn	Thiện	DH14CC	<i>Nguyễn Tấn Thiện</i>	8,5	1,0	3,2	4,0	00012345678910	0123456789
59	14118296	Nguyễn Duy	Tuấn	DH14CC	<i>Nguyễn Duy Tuấn</i>	8,5	4,5	6,5	5,8	00012345678910	0123456789
60	14118317	Phạm Ngọc	Châu	DH14CC	<i>Phạm Ngọc Châu</i>	9,5	5,3	5,0	6,2	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05053



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DHH4CC_02

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:50

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DHH4NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14137099	Trương Quốc Vương	DHH4NL			9,0	8,8	7,5	8,2	00012345678900	001234567890
62	14153021	Mai Thế Kiệt	DHH4CD			9,5	5,3	9,8	8,6	00012345678900	001234567890
63	14153125	Lưu Đức Thái	DHH4CD			10	4,9	1,3	4,4	00012345678900	001234567890
64	14154017	Lê Minh Hải	DHH4OI			9,5	7,0	5,0	6,6	00012345678900	001234567890
65	14154033	Trần Phạm Lộc	DHH4OI			10	2,4	6,0	6,1	00012345678900	001234567890
66	14154057	Ôn Hòa Thọ	DHH4OI			8,5	4,5	3,8	5,2	00012345678900	001234567890
67	14154061	Trương Ngọc Tín	DHH4OI			8,5	9,7	8,8	9,0	00012345678900	001234567890
68	14154091	Nguyễn Văn Hành	DHH4OI			9,5	4,3	1,0	4,0	00012345678900	001234567890
69	14154096	Trần Minh Hoàng	DHH4OI			9,3	6,0	7,4	7,5	00012345678900	001234567890
70	14154097	Hoàng Văn Tiến	DHH4OI			9,3	6,3	6,0	6,9	00012345678900	001234567890

Số sinh viên dự thi: 64 / Số sinh viên vắng: 6

Ngày: 28 / Tháng: 6 / Năm: 2016

Ấn bộ coi thi 1

Ấn bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chuẩn Thi 1

Cán Bộ Chuẩn Thi 2

Nguyễn Văn Tiến
Cao Đức Lợi

TS. Vương Zheng Tieh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001 DH14CD 03

Số lần đi: 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giao Thi: 09:50

Phòng Thí Nghiệm R1200

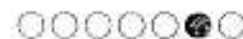
Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Let's

DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Figure 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1		Đ2		Đ. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
							25 %	25 %	25 %	25 %				
1	12153067	Phùng Thái	Nhân	ĐH12C/D		✓							001234567890	0123456789
2	13115092	Ngô Tấn	Si	ĐH13C/B			8,5	1,5	2,0	3,5			001234567890	0123456789
3	13115135	Đương Tài	Uyên	ĐH13C/B			9,5	9,5	3,3	9,5			001234567890	0123456789
4	13115143	Nguyễn Thế	Vũ	ĐH13C/B			9,8	5,5	1,8	4,7			001234567890	0123456789
5	13115148	Nguyễn Đức	Anh	ĐH13C/B			9,8	1,5	3,7	4,7			001234567890	0123456789
6	13115154	Phan Thị Thủy	Gi	ĐH13C/B			9,8	8,0	6,9	7,9			001234567890	0123456789
7	13115198	Đinh Ba	Hà	ĐH13C/B			8,8	9,5	5,0	7,1			001234567890	0123456789
8	13115290	Trần Nguyễn Trọng	Nghĩa	ĐH13C/N			8,5	5,4	4,5	5,7			001234567890	0123456789
9	13115310	Nguyễn Chí	Nhiem	ĐH13C/B			8,8	5,0	3,0	9,0			001234567890	0123456789
10	13115317	Nguyễn Hồ	Phan	ĐH13C/B			8,8	4,3	1,5	4,0			001234567890	0123456789
11	13115339	Nguyễn Hữu	Phước	ĐH13C/N			8,8	5,4	2,3	4,7			001234567890	0123456789
12	13115359	Nguyễn Ngọc	Sung	ĐH13C/B			8,2	4,0	2,5	3,8			001234567890	0123456789
13	13115377	Nguyễn Ngọc	Đào	ĐH13C/B		✓							001234567890	0123456789
14	13115385	Nguyễn Ngọc	Đạt	ĐH13C/B			8,5	4,8	4,3	5,5			001234567890	0123456789
15	13115386	Nguyễn Thị	Thạch	ĐH13C/B			8,5	5,4	5,5	6,2			001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05054

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14CD_03

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

S.T.T	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115407	Nguyễn Thị Nhu	Thuy	DH13CB		8,8	5,0	3,8	5,4	0001234567890	00123456789
17	13115412	Nguyễn Thị Anh	Thu	DH13CB		8,8	8,8	5,0	6,9	0001234567890	00123456789
18	13115441	Trần Thị Diễm	Trinh	DH13CB		8,8	6,5	5,8	6,7	0001234567890	00123456789
19	13115466	Vũ Nhật	Tường	DH13GN		9,8	3,3	2,0	4,3	0001234567890	00123456789
20	13118205	Nguyễn Bá	Mây	DH13CK		8,5	5,6	2,5	4,8	0001234567890	00123456789
21	13118313	Dặng Xuân	Trung	DH13CK		9,8	7,5	7,5	8,1	0001234567890	00123456789
22	13138163	Phạm Lâm	Phước	DH13TD		8,8	5,8	1,0	4,2	0001234567890	00123456789
23	13153024	Lê Văn	Thuận	DH13CD		4,4	4,0	4,0	4,1	0001234567890	00123456789
24	13153136	Nguyễn Nhật	Khang	DH13CD		9,8	9,0	5,9	7,7	0001234567890	00123456789
25	13153255	Lê Ngọc Thiên	Tuấn	DH13CD		9,8	4,3	3,0	5,0	0001234567890	00123456789
26	14115240	Vũ Thị Ngọc	Thắm	DH14GB						0001234567890	00123456789
27	14118181	Phạm Duy	Khánh	DH14CI		9,8	3,0	7,3	6,9	0001234567890	00123456789
28	14118245	Nguyễn Văn	Tài	DH14CK		8,5	6,0	5,5	6,4	0001234567890	00123456789
29	14153009	Lê Mạnh	Cường	DH14CI		9,8	5,8	3,5	5,7	0001234567890	00123456789
30	14153011	Châu Khánh	Duy	DH14CI		9,8	5,4	3,5	5,6	0001234567890	00123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Công tiết máy (207100) - 001 DH14CD 03

Số lần Ch 3

Ngày 1h 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phong Thi REDZOO

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

1.0p

D1114CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Frame 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	T.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153013	Nguyễn Sơn	Hà	DL		8,8	9,6	570	7,1	0001234567890	00123456789
32	14153014	Hồ Đức	Hải	DL		8,8	6,8	3,8	4,3	0001234567890	0123456789
33	14153016	Trần Dương	Hoàn	Hoàn		9,8	3,0	4,0	5,2	0001234567890	0123456789
34	14153022	Trần Tuấn	Kiệt	Kiệt		9,8	4,1	3,0	570	0001234567890	0123456789
35	14153025	Phạm Huỳnh	Lâm	Lâm		9,8	4,0	6,0	6,5	0001234567890	0123456789
36	14153028	Hà Vũ	Luân	Hà		9,8	3,0	7,0	6,7	0001234567890	0123456789
37	14153030	Trần Lộc	Minh	DL		8,5	4,0	2,0	4,1	0001234567890	0123456789
38	14153032	Nguyễn Thanh	Nam	Nam		8,5	4,3	2	3,2	0001234567890	0123456789
39	14153035	Dặng Thịnh	Nghĩa	Ng		8,5	2	3,2	3,7	0001234567890	0123456789
40	14153038	Trần Thế	Nhân	Ch		8,8	9,1	3,3	6,1	0001234567890	0123456789
41	14153040	Phạm Thu	Nhân	Thư		8,8	3,8	2,0	4,2	0001234567890	0123456789
42	14153052	Phạm Minh	Thiện	Th		8,8	8,8	6,5	7,7	0001234567890	0123456789
43	14153054	Đinh Ngọc	Trần	Minh		8,8	2,5	2,3	4,0	0001234567890	0123456789
44	14153059	Phạm Ngọc	Tuyền	Ph		9,8	6,5	7,5	7,8	0001234567890	0123456789
45	14153062	Trần Thuần	Việt	Việt		9,8	4,3	4,5	5,8	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05054



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Chi tiết máy (207100) - 001_DH14CD_03

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

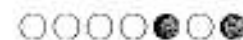
Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			9,8	7,7	10	9,4	0012345678910	0123456789
47	14153067	Nguyễn Khắc Bổng	DH14CD			9,8	7,3	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
48	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD			9,8	3,5	4	5,3	0012345678910	0123456789
49	14153070	Mai Huệ	DH14CD			8,8	3,1	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
50	14153071	Trần Anh	DH14CD			8,8	5,5	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
51	14153075	Lê Minh	DH14CD			9,8	5,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
52	14153080	Lê Khoa	DH14CD			8,8	8,8	4,0	6,4	0012345678910	0123456789
53	14153086	Nguyễn Xuân	DH14CD			9,8	7,3	3,0	8,8	0012345678910	0123456789
54	14153107	Hồ Bảo	DH14CD			9,8	2,3	4,2	5,1	0012345678910	0123456789
55	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD			8,5	5,6	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
56	14153107	Đinh Nhu	DH14CD			8,8	5,8	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
57	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			8,8	6,0	8,8	8,1	0012345678910	0123456789
58	14153117	Phạm Quốc	DH14CD			8,5	5,2	9,0	7,9	0012345678910	0123456789
59	14153118	Phạm Thương Hoài	DH14CD			8,5	8,5	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
60	14153129	Phạm Hoàng	DH14CD			8,5	3,2	4,0	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05054



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14CD_03

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153134	Nguyễn Thành	Thuận	DH14CD		6,9	6,3	5,8	6,2	0001234567890	0123456789
62	14153143	Nguyễn Thành	Tùng	DH14CD		9,8	3,8	3,8	5,3	0001234567890	0123456789
63	14154009	Nguyễn Hoàn	Duy	DH1401		8,8	4,0	4,3	5,4	0001234567890	0123456789
64	14154010	Nguyễn Văn	Đán	DH1401		9,8	8,3	3,0	6,0	0001234567890	0123456789
65	14154015	Nguyễn Văn	Đức	DH1401		8,8	4,0	4,8	4,1	0001234567890	0123456789
66	14154030	Đỗ Đức	Tỉnh	DH1401		9,8	5,8	4,0	5,9	0001234567890	0123456789
67	14154037	Hoàng Văn	Nam	DH1401		8,5	5,0	5,5	6,1	0001234567890	0123456789
68	14154039	Nguyễn Hòa	Nhân	DH1401		9,0	10	10	9,8	0001234567890	0123456789
69	14154043	Nguyễn Thành	Quân	DH1401		6,2	6,7	7,0	6,7	0001234567890	0123456789
70	14154068	Hồ Việt	Anh	DH1401		9,8	6,3	1,3	4,7	0001234567890	0123456789
71	14154098	Lê Thái	Tôn	DH1401		8,8	7,3	9,0	8,5	0001234567890	0123456789
72	14154100	Nguyễn Đức	Thủy	DH1401		9,8	4,6	7,0	7,1	0001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 6, Số sinh viên vắng: 5.

Ngày: 18 Tháng: 6 Năm: 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Giám Thi 1

Cán Bộ Giám Thi 2

phạm văn thien

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207109) - 001 DH14CK 04

Sà Tin Ch 3

Ngày Thi: 17/06/2016

LibreTexts: 09:30

Phuong Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

100

CDL3C (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Example 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số 10	D1 15%	D2 12%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118022	Nguyễn Tấn Như	5	CD13C1		8,5	4,3	3,5	5,0	001234567890	0123456789
2	14118001	Bùi Văn	An	DH14CK		9,0	6,0	6,0	6,8	001234567890	0123456789
3	14118002	Lê Văn Thế	Anh	DH14C1		9,0	8,1	4,0	6,3	001234567890	0123456789
4	14118004	Đổng Văn	Bảo	DH14CK		9,0	4,0	2,5	4,5	001234567890	0123456789
5	14118007	Vũ Văn	Cánh	DH14CK		9,0	8,5	5,0	6,9	001234567890	0123456789
6	14118011	Nguyễn Anh	Duy	DH14C1		9,2	6,3	9,5	8,6	001234567890	0123456789
7	14118014	Nguyễn Bảo	Đức	DH14C1		9,8	10	10	10	001234567890	0123456789
8	14118016	Phạm Tấn	Duy	DH14CK		8,8	6,0	2,8	5,1	001234567890	0123456789
9	14118017	Nguyễn Thanh	Diễn	DH14CK		8,8	7,1	4,0	6,0	001234567890	0123456789
10	14118027	Nguyễn Đan	Hoàng	DH14CK		9,2	4,0	1,3	3,2	001234567890	0123456789
11	14118034	Đinh Đức	Kiên	DH14CK		8,8	6,8	3,5	5,7	001234567890	0123456789
12	14118036	Nguyễn Thành	Lê	DH14C1		8,8	6,0	3,8	5,6	001234567890	0123456789
13	14118037	Trần Đình Hải	Long	DH14C1		8,8	8,7	8,5	8,6	001234567890	0123456789
14	14118044	Cao Hữu	Nhân	DH14CK		8,8	4,5	4,0	3,8	001234567890	0123456789
15	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	Nhi	DH14C1		8,8	5,7	4,0	5,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05055

Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14CK_04

Số Tin CE: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

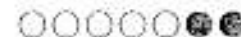
DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118048	Bùi Hoàng	Phong	Phong		8,8	5,0	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
17	14118050	Nguyễn Thành	Phong	Phong		8,3	3,7	1,3	3,7	0012345678910	0123456789
18	14118052	Châu Hoàng	Phúc	Phúc		8,3	4,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
19	14118053	Ngô Tấn	Phúc	Phúc		8,3	8,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
20	14118062	Đỗ Văn	Tạo	Tạo		8,3	7,3	3,8	5,8	0012345678910	0123456789
21	14118067	Nguyễn Kiều Minh	Thiện	Thiện		8,3	4,8	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
22	14118069	Nguyễn Văn	Thiện	Thiện						0012345678910	0123456789
23	14118074	Phạm Đình	Tiến	Tiến		8,1	8,5	5,0	6,7	0012345678910	0123456789
24	14118076	Nguyễn Văn	Luân	Luân		8,1	6,0	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
25	14118087	Nguyễn Minh	Luân	Luân		8,1	6,0	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
26	14118099	Lê Văn	Tung	Tung		8,1	4,8	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
27	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	Tu	Tu		8,1	7,8	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
28	14118093	Trần Phước	Vinh	Vinh		8,5	2,3	6,8	6,1	0012345678910	0123456789
29	14118095	Nguyễn Quốc	Vượng	Vượng		8,5	2,2	7,5	6,4	0012345678910	0123456789
30	14118100	Hồ Chí	Bao	Bao		9,0	6,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05055



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14CK_04

Số Tin CT: 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ/Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

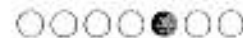
Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118103	Nguyễn Hoàn	Báo	DH14CK		9,0	5,8	5,3	6,4	0001234567890	0123456789
32	14118108	Trần Văn	Báo	DH14CK		4,5	4,5	4,5	4,5	0001234567890	0123456789
33	14118109	Đào Hữu	Cánh	DH14CK		9,0	5,5	2,0	4,6	0001234567890	0123456789
34	14118117	Lê Tiên	Cánh	DH14CK		8,8	4,0	2,0	4,2	0001234567890	0123456789
35	14118118	Phạm Đức	Cánh	DH14CK		8,8	9,5	7,0	8,1	0001234567890	0123456789
36	14118123	Nguyễn Ngọc	Cường	DH14CK		8,8	6,3	4,5	6,0	0001234567890	0123456789
37	14118128	Nguyễn Văn	Dạ	DH14CK		9,2	4,5	5,5	6,2	0001234567890	0123456789
38	14118132	Nguyễn Văn Trí	Dương	DH14CK		4,6	6,0	2,0	3,7	0001234567890	0123456789
39	14118134	Nguyễn Văn	Dạ	DH14CK		8,8	5,5	3,8	5,5	0001234567890	0123456789
40	14118135	Nguyễn Phúc	Dạ	DH14CK		8,8	3,7	3,5	4,9	0001234567890	0123456789
41	14118139	Phạm Thuận	Dạ	DH14CK		8,8	2,8	3,8	4,8	0001234567890	0123456789
42	14118141	Trần Văn	Đẹp	DH14CK		9,2	6,3	5,0	6,4	0001234567890	0123456789
43	14118158	Vũ Văn	Hiếu	DH14CK		9,2	6,5	6,0	6,9	0001234567890	0123456789
44	14118159	Phạm Tấn	Hiệp	DH14CK		9,2	9,2	4,5	6,9	0001234567890	0123456789
45	14118167	Nguyễn Văn	Hòa	DH14CK		9,2	3,5	1,0	3,7	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05055

Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Chi tiết máy (207100) - 001_DH14CK_04

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

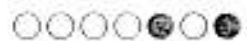
Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm li
46	14118168	Nguyễn Thuà	Học			6,5	6,8	4,0	5,3	00012345678900	012345678900
47	14118177	Phạm Ngọc	Hưng			9,2	4,3	5,5	6,1	00012345678900	002345678900
48	14118191	Trần Huệ	Tinh			8,8	6,3	6,3	6,9	00012345678900	012345678900
49	14118192	Lê Thạch	Long			8,8	7,6	4,0	6,1	00012345678900	002345678900
50	14118215	Võ Tấn	Phát			4,4	7,1	3,5	4,6	00012345678900	012345678900
51	14118217	Đỗ Thuận	Phong			8,3	5,8	4,5	5,8	00012345678900	012345678900
52	14118218	Phạm Tuấn	Phong			8,3	4,0	4,0	5,1	00012345678900	002345678900
53	14118223	Phạm Hoàng	Phương			8,3	3,8	4,0	3,5	00012345678900	012345678900
54	14118226	Nguyễn Lân	Phước			8,3	6,7	8,8	8,2	00012345678900	012345678900
55	14118236	Nguyễn Văn	Sang			8,3	3,0	4,5	5,1	00012345678900	002345678900
56	14118238	Trương Tài	Sang			8,3	8,0	7,3	7,7	00012345678900	012345678900
57	14118256	Trần Văn	Tài			8,3	2,3	2,6	4,0	00012345678900	012345678900
58	14118254	Nguyễn Hào	Thinh			8,3	5,5	9,8	8,4	00012345678900	012345678900
59	14118265	Nguyễn Quý	Thinh			8,3	5,3	4,5	5,7	00012345678900	012345678900
60	14118266	Phạm Minh	Thong			8,3	4,0	6,3	6,2	00012345678900	012345678900



Mã nhận dạng 05055

Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Chi tiết máy (207100) - 001_DHI4CK_04

Số Tin CT: 3

Ngày Tin: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DHI4CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

S.TT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14118267	Nguyễn Hoàng	Thông	DHI4CK		8,1	4,8	7,3	6,9	00012345678910	0123456789
62	14118293	Lê Văn	Tràng	DHI4CK		8,1	4,0	2,8	4,4	00012345678910	0123456789
63	14118311	Trần Xuân	Vinh	DHI4CK		8,5	5,5	9,0	8,0	00012345678910	0123456789
64	14118312	Hà Thành	Vị	DHI4CK		8,5	5,0	7,0	6,9	00012345678910	0123456789
65	14118313	Hoàng Tuấn	Vũ	DHI4CK		8,5	4,8	3,0	4,8	00012345678910	0123456789
66	14118314	Lương Trọng	Vũ	DHI4CK		8,5	4,5	4,8	5,7	00012345678910	0123456789
67	14118319	Lê Anh	Tuấn	DHI4CK		8,1	5,0	3,0	4,8	00012345678910	0123456789
68	14153005	Vũ Đức	Bay	DHI4CK		9,0	8,2	6,0	7,3	00012345678910	0123456789
69	14153006	Hồ Nguyễn Văn	Cánh	DHI4CK		9,0	6,8	4,0	6,0	00012345678910	0123456789
70	14153009	Nguyễn Công	Lương	DHI4CK		8,5	9,1	5,0	6,9	00012345678910	0123456789
71	14154007	Nguyễn Thành	Công	DHI4CK		8,8	4,0	6,5	6,5	00012345678910	0123456789
72	14154051	Nguyễn Trọng	Thánh	DHI4CK		8,3	5,8	7,0	7,0	00012345678910	0123456789
73	14154052	Lê Chao	Thánh	DHI4CK		8,3	9,8	6,0	7,5	00012345678910	0123456789
74	14154133	Trương Thái	Phi	DHI4CK		8,8	2,0	6,5	6,0	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05055

Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14CK_04

Số Tin CT: 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 33. Số sinh viên vắng 1.

Ngày 28 Tháng 6 Năm 2016

Chủ tịch coi thi 1

Chủ tịch coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thanh Dũng


Nguyễn Hồng Khoa TS. Kiều Kiều Tiên


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14NL_05

Số Tin CH 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115026	Nguyễn Thanh Đỗ	DH13CB			9,5	6,3	4,0	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13115033	Vũ Thị Hiền	DH13CB			9,3	5,6	5,2	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13115036	Vũ Văn Hiệp	DH13CB			9,3	7,5	5,0	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13115052	Nguyễn Phạm Phú Hữu	DH13CB			9,3	3,8	2,7	4,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13115091	Lê Thị Hồng Sen	DH13CB			9,8	5,0	1,0	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13115116	Nguyễn Hoàng Dương	DH13CB			9,3	4,5	2,3	4,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13115119	Dặng Thị Cẩm Tiên	DH13CB			9,3	7,7	6,9	7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13115150	Trần Thị Lan Anh	DH13CB			9,5	6,5	5,3	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13115180	Trần Thị Ai Duyên	DH13CB			9,0	9,5	4,5	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13115208	Trần Thị Minh Hiền	DH13CB			9,3	8,7	4,0	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13115217	Nguyễn Minh Hoàng	DH13CB							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13115247	Nguyễn Minh Kha	DH13CB			9,0	6,8	4,0	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13115265	Lê Thị Bích Lâm	DH13CB			9,0	4,6	6,8	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13115272	Nguyễn Thị Kim Duyên	DH13CB			10	4,0	2,0	4,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13115319	Phạm Hoàng Phi	DH13CB			10	6,2	6,8	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05056

Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_D1114N1_05

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

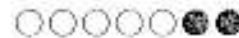
Lớp: D115GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115326	Diệp Quang	Phù	D1113C01	Pho	10	5,8	2,0	7,0	0001234567890	0123456789
17	13115421	Phan Hữu	Tuấn	D1113C01	Pho	9,3	5,5	2,5	5,0	0001234567890	0123456789
18	13115453	Trần Anh	Tuấn	D1113C01	Pho	9,3	8,5	2,5	5,7	0001234567890	0123456789
19	13115464	Đỗ Thị Minh	Tư	D1113C01	Tư	9,3	8,8	3,0	8,0	0001234567890	0123456789
20	13118022	Trần Anh	Kiên	D1113C01	Kiên	4,5	4,7	4,0	4,3	0001234567890	0123456789
21	13137101	Nguyễn Đình	Nhà	D1113C01	Vàng					0001234567890	0123456789
22	13153003	Phạm Trần Anh	Dũng	D1113C01	Pho	9,0	4,0	4,4	4,0	0001234567890	0123456789
23	13153059	Nguyễn Quốc	Dũng	D1113C01	Pho	9,5	1,5	3,8	4,7	0001234567890	0123456789
24	13153063	Trần Văn	Dũng	D1113C01	Pho	9,5	3,0	2,8	4,5	0001234567890	0123456789
25	13334161	Dặng Chiêu	Sinh	CTD13C1	Sinh	9,8	7,4	7,0	7,8	0001234567890	0123456789
26	13334170	Tổng Minh	Tai	CTD13C1	Tai	9,8	4,8	1,3	4,3	0001234567890	0123456789
27	14118012	Phạm Đăng	Dũng	D1113C01	Pho	9,3	3,1	8,5	7,3	0001234567890	0123456789
28	14118013	Bùi Tấn	Dũng	D1114C01	Pho	9,0	3,5	3,0	4,6	0001234567890	0123456789
29	14118029	Đào Văn	Thuy	D1114C01	Huy	9,0	4,7	3,8	5,3	0001234567890	0123456789
30	14118070	Đinh Trọng	Thuy	D1114C01	Tho	9,8	0	1,0	3,0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05056



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14NL_05

Số tín chỉ: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK	<i>Cường</i>		9,5	6,6	4,7	6,4	0012345678910	0123456789
32	14118166	Vũ Văn Hòa	DH14CK	<i>Hòa</i>		9,3	4,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
33	14118188	Trần Nguyễn Phương	Khởi	<i>Pha</i>		9,0	6,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
34	14118189	Nguyễn Tuấn	Sci	<i>Tuấn</i>		9,0	8,6	4,5	6,7	0012345678910	0123456789
35	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK	<i>Minh</i>		10	9,0	10	9,8	0012345678910	0123456789
36	14118210	Trịnh Văn Sơn	DH14CK	<i>Sơn</i>		9,8	9,1	2,0	5,7	0012345678910	0123456789
37	14118274	Trần Văn Hương	DH14CK	<i>Hương</i>		9,3	8,6	10	9,5	0012345678910	0123456789
38	14137002	Lê Nguyễn Việt	Hào	<i>Việt</i>		9,0	3,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
39	14137003	Nguyễn Tấn Minh	DH14NL	<i>Minh</i>		10	8,7	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
40	14137009	Hồ Đức Bảo	DH14NL	<i>Bảo</i>		9,5	6,2	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
41	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL	<i>Duy</i>		9,0	2,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
42	14137017	Châu Văn Duyết	DH14NL	<i>Duyết</i>		9,0	8,3	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
43	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL	<i>Dương</i>		9,0	5,5	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
44	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL	<i>Dat</i>		9,5	9,1	5,5	7,4	0012345678910	0123456789
45	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL	<i>Đông</i>		9,5	6,8	3,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05056

Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Chi tiết máy (207100) - 001_DHI14NL_05

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV 302

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DHI14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 35%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14137036	Nguyễn Hồng	Thiên	DHI14NL		9,3	4,8	57,2	6,1	0001234567890	0001234567890
47	14137045	Nguyễn Quốc	Khánh	DHI14NL		9,0	7,9	3,5	6,0	0001234567890	0001234567890
48	14137048	Lê Thế	Lục	DHI14NL		10	7,5	8,8	8,8	0001234567890	0001234567890
49	14137064	Lê Nguyễn Minh	Tạo	DHI14NL		9,8	4,6	6,5	6,9	0001234567890	0001234567890
50	14137065	Nguyễn Minh	Tại	DHI14NL		9,8	7,5	7,0	7,8	0001234567890	0001234567890
51	14137069	Ngô Văn	Thanh	DHI14NL		9,3	7,0	2,5	5,3	0001234567890	0001234567890
52	14137070	Trần Văn	Thành	DHI14NL		9,3	6,5	5,0	6,5	0001234567890	0001234567890
53	14137071	Lê Việt	Thắng	DHI14NL		9,8	6,4	1,5	4,8	0001234567890	0001234567890
54	14137074	Nguyễn Mưa	Thức	DHI14NL		9,3	9,5	6,8	8,1	0001234567890	0001234567890
55	14137080	Nguyễn Ngọc	Thảo	DHI14NL		9,3	7,0	6,0	7,1	0001234567890	0001234567890
56	14137085	Đinh Thanh	Trung	DHI14NL		9,3	6,3	3,5	5,7	0001234567890	0001234567890
57	14137093	Trần Đức	Trung	DHI14NL		9,3	8,7	6,8	7,9	0001234567890	0001234567890
58	14137095	Trương Thế	Vinh	DHI14NL		9,3	5,5	4,0	5,7	0001234567890	0001234567890
59	14153010	Trần Vũ Anh	Đuy	DHI14NL		9,0	9,1	9,3	9,2	0001234567890	0001234567890
60	14153019	Nguyễn Văn	Nhân	DHI14NL		10	9,5	7,5	8,6	0001234567890	0001234567890



Mã nhận dạng 05056

Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chỉ tiết máy (207100) - 001_DH14NL_05

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

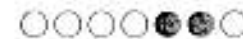
Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tin	D1 25%	D2 25%	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			9,8	9,1	9,0	9,2	00012345678910	0123456789
62	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT			9,5	7,3	5,0	6,7	00012345678910	0123456789
63	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			9,5	2,0	3,0	4,4	00012345678910	0123456789
64	14154016	Trần Thanh Lú	Tin			9,0	9,5	9,0	9,1	00012345678910	0123456789
65	14154020	Vũ Anh Thiên	DH14OT			9,3	7,3	9,0	8,7	00012345678910	0123456789
66	14154021	Nông Quốc Hoàng	DH14OT			9,3	6,4	2,8	5,3	00012345678910	0123456789
67	14154022	Nguyễn Khánh Anh	DH14OT			9,0	6,3	3,3	5,5	00012345678910	0123456789
68	14154027	Cao Hoàng Khắc	DH14OT			9,0	6,0	4,3	5,9	00012345678910	0123456789
69	14154044	Điền Quỳ	DH14OT			9,8	6,8	5,4	6,9	00012345678910	0123456789
70	14154102	Nguyễn Đình	DH14OT			9,0	9,5	9,5	9,4	00012345678910	0123456789
71	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT			9,0	9,8	7,7	8,6	00012345678910	0123456789
72	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DH14OT			10	10	10	10	00012345678910	0123456789
73	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DH14OT			9,3	9,4	7,2	8,3	00012345678910	0123456789
74	14154160	Vũ Duy Tin	DH14OT			9,3	9,3	8,0	8,7	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05056



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14NL_05

Số Tin C1 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 72 Số sinh viên vắng: 02

Ngày 28 Tháng 6 Năm 2016

Chữ ký của thí sinh 1

Chữ ký của thí sinh 2

Xác nhận của Bộ Môn

Chữ ký của Cán Bộ Chấm Thi 1

Chữ ký của Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

B. Kiều Hạnh T. H

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DHI40T_06

Số Tin Ch: 3

Ngày làm: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV303

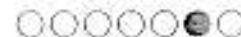
Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DHI10GB (Đại học chính quy (Tin chủ)-CNSX giấy và bột giấy-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số 10	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13134013	Nguyễn Hưng	DHI10GB								
2	13115022	Nguyễn Hồng Tân	DHI13CB			8,5	5,5	3,8	5,4		
3	13115281	Vũ Tấn	DHI13GB			8,7	6,5	5,8	6,7		
4	13115298	Hồ Đoàn Khôi	DHI13GB			8,5	6,8	4,7	6,2		
5	13117122	Đỗ Khánh	DHI13NB			10	8,8	7,4	8,4		
6	13138052	Lê Minh	DHI13TD			9,2	6,3	3,5	5,6		
7	13138190	Trần Văn	DHI13TD			10	9	3,0	4,0		
8	13153173	Nguyễn Văn	Phong			8,5	9,1	6,0	7,4		
9	13153224	Lê Tự Quốc	Thống			9,2	5,8	8,8	8,2		
10	13154012	Nguyễn Văn	Diễn			9,2	3,9	4,0	5,3		
11	13154054	Lê Minh	Thịnh								
12	14118025	Lê Quang	Thiên			9,2	2,9	2,4	4,2		
13	14118040	Hoàng Vương	Nam			8,5	7,3	5,5	6,7		
14	14118059	Lê Văn	Quyển			10	6,7	2,0	5,2		
15	14118137	Nguyễn Quốc	Dai			8,5	4,6	3,5	5,0		



Mã nhận dạng 05057

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhúng Chi tiết máy (207100) - 001_DH14OT_06

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bao quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118154	Lê Đoàn	Hào	<i>Hào</i>		9,2	9,3	7,0	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118187	Nguyễn Hùng	Khôn	<i>Khôn</i>		10	9,1	5,0	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118214	Nguyễn Xuân	Phát	<i>phát</i>		8,5	4,3	4,5	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	14118219	Trần Nguyễn Hoàng	Phát	<i>Phát</i>		10	6,3	4,5	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118268	Nguyễn Nhật	Thống	<i>Thống</i>		9,2	5,5	2,3	4,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118310	Trần Hữu	Vinh	<i>Vinh</i>		9,5	9,4	9,5	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14137073	Nguyễn Thanh	Thế	<i>Thế</i>		9,2	9,6	5,0	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14153007	Phạm Hòa	Chinh	<i>Chinh</i>		8,5	4,1	3,5	4,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14153012	Nguyễn Thuật	Đạt	<i>Đạt</i>		9,2	4,0	5,0	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14153053	Nguyễn Văn	Trình	<i>Trình</i>		9,5	8,3	4,5	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14153124	Hà Đức	Thào	<i>Thào</i>		10	4,7	5,6	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14154006	Phạm Văn	Hào	<i>Hào</i>		8,5	8,5	6,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14154013	Trương Nhân	Đức	<i>Đức</i>		9,2	5,5	5,4	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14154014	Đoàn Minh	Đỗ	<i>Đỗ</i>		9,2	6,6	4,0	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14154025	Nguyễn Phúc	Hùng	<i>Hùng</i>		10	10	8,7	9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05057

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH140T_06

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 17/06/2016

Giờ thi: 09:30

Phòng thi: TV.303

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154028	Trần Tuấn Kiệt	DH140T			8,7	7,4	4,7	4,9	00012345678910	00123456789
32	14154029	Vũ Anh Kiệt	DH140T							00012345678910	00123456789
33	14154031	Đặng Văn Lương	DH140T			8,7	8,9	6,5	7,7	00012345678910	00123456789
34	14154034	Đỗ Trọng Tài	DH140T							00012345678910	00123456789
35	14154044	Vũ Văn Phúc	DH140T			8,5	0	1,0	2,6	00012345678910	00123456789
36	14154045	Mai Xuân Ninh	DH140T			10	3,4	4,5	5,6	00012345678910	00123456789
37	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH140T			10	8,2	5,9	7,5	00012345678910	00123456789
38	14154053	Vũ Hoàng Thống	DH140T			9,2	5,3	4,0	5,6	00012345678910	00123456789
39	14154058	Lê Anh Thuận	DH140T			9,2	7,0	9,3	8,7	00012345678910	00123456789
40	14154062	Nguyễn Thị Trung	DH140T			9,5	3,5	4,3	5,4	00012345678910	00123456789
41	14154063	Vũ Đình Trường	DH140T			9,5	3,3	3,0	4,7	00012345678910	00123456789
42	14154064	Mai Quốc Việt	DH140T			10	10	10	10	00012345678910	00123456789
43	14154067	Trần Đức Anh	DH140T			8,5	1,4	6,2	5,6	00012345678910	00123456789
44	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH140T			8,5	7,2	3,5	5,7	00012345678910	00123456789
45	14154079	Nguyễn Thị Bích Duyên	DH140T			8,5	6,7	9,0	8,3	00012345678910	00123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH140T_06

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV303

Giang viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

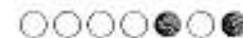
Lớp: DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số 10	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14154090	Hồ Thành Hải	DH140T	<i>Hai?</i>		9,2	1,5	4,2	3,3	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH140T	<i>Tuấn</i>		10	6,3	4,8	6,5	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH140T	<i>Hong</i>		10	8,8	9,3	9,4	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH140T	<i>Bhư</i>		10	6,3	5,5	6,8	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH140T	<i>Khy</i>		10	8,0	6,7	7,9	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14154110	Lê Mai Khon	DH140T	<i>Kon</i>		10	4,4	3,5	5,4	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH140T	<i>Minh</i>		8,7	4,2	6,3	6,4	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14154125	Nguyễn Minh Ngọc	DH140T							●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14154127	Nguyễn Văn Nhựt	DH140T	<i>Như</i>		8,5	10	6,5	7,9	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	14154130	Vương Ninh	DH140T	<i>Ninh</i>		8,5	2,4	8,8	7,1	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	14154137	Đỗ Tiến Quých	DH140T	<i>Quý</i>		10	9,5	8,8	9,3	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	14154139	Lê Tấn Tài	DH140T	<i>Tai</i>		10	4,8	3,5	5,5	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14154143	Trần Hữu Huỳnh	DH140T	<i>Huỳnh</i>		9,2	8,8	4,8	6,9	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH140T	<i>Tuấn</i>		9,5	6,5	9,0	8,5	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	14154157	Trần Văn Tuấn	DH140T	<i>Tuấn</i>		6,7	4,5	3,5	4,6	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05057



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy (207100) - 001_DH14OT_06

Số Tin Chi: 3

Ngày Thi: 17/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp: DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số bài	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	--------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 55 Số sinh viên vắng: 5

Ngày 28 Tháng 6 Năm 2016

Đại diện coi Thi 1

Đại diện coi Thi 2

Sắc nhận của Bộ Môn

Đại Diện Chủm Thi 1

Đại Diện Chủm Thi 2


N.V. Kiép


Phạm Quang Thắng


Nguyễn Kiều Hạnh


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK			0,7	1	1,5	1,2	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12118079	Vô Hồng Quốc	DH12CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12118095	Dương Công Trach	DH12CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12118108	Lê Quang Trường	DH12CK			4,2	3	4,5	4,1	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12118109	Vũ Như Khái	DH12CC	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118033	Phạm Đình Nguyễn	DH13CK			6,5	5,5	5	5,5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK			6,6	2,5	0	2,3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			6,4	2,5	0	2,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118071	Mai Công Anh	DH13CK			7,2	5	5,5	5,8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			7,6	7,5	8,7	8,1	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13118109	Phạm Đại	DH13CC	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			7,1	6	6,5	6,5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC	/	/	/	/	/	/	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118221	Võ Văn Nguyễn	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			5	5	6	4,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118291	Phạm Hữu Thường	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC	/	/	/	/	/	/	●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

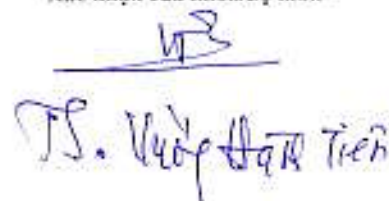
Số lượng vắng:

Hiện diện:

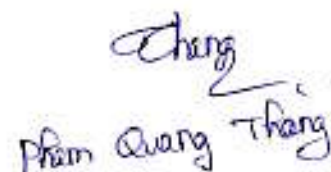
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

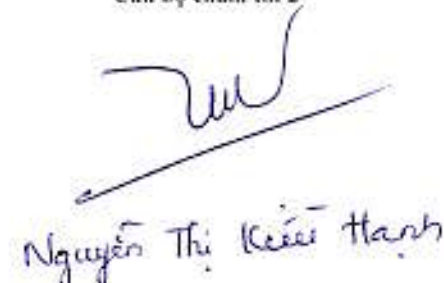
Xác nhận của khoa/bộ môn


TS. Võ Văn Tiên

Cán bộ chấm thi 1


Phạm Quang Thắng

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			6,9	5,5	6	6,1	0001234567890	00023456789
2	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
3	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
4	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK			7,5	7,5	7,5	7,5	0001234567890	00123456789
5	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			6,5	5,5	5,5	5,9	0001234567890	00123456789
6	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC			6,8	3	3	4	0001234567890	00123456789
7	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
8	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			6,7	5,5	5	5,6	0001234567890	00123456789
9	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
10	13118054	Đoàn Văn Thoại	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
11	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
12	13118080	Nguyễn Phúc Bảo	DH13CC			7	5,5	6	6,1	0001234567890	00023456789
13	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
14	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			8,1	9	10	9,3	0001234567890	00123456789
15	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			7,2	6	6	6,3	0001234567890	00123456789
16	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
17	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789
18	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK	/	/	/	/	/	/	0001234567890	00123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118140	Dặng Ngọc Hiếu	DH13CK			6,6	5,5	5,5	5,8	○○○12345678910	0123456789
20	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK			6,8	4	3,5	4	○○○12345678910	0123456789
21	13118184	Và Văn Khiêm	DH13CC			7,1	7	6,5	6,8	○○○12345678910	0123456789
22	13118200	Dặng Hoàng Long	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●○○12345678910	0123456789
23	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK			5,8	5,5	4,5	5,1	○○○12345678910	0123456789
24	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			5,5	7	6	6,1	○○○12345678910	0123456789
25	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC	/	/	/	/	/	/	●○○12345678910	0123456789
26	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			6,8	2	3,5	4	○○○12345678910	0123456789
27	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC	/	/	/	/	/	/	●○○12345678910	0123456789
28	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			6,6	4	6	5,6	○○○12345678910	0123456789
29	13118343	Phạm Thanh Tùng	DH13CK			6,6	5,5	6,5	6,2	○○○12345678910	0123456789
30	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			6,8	5,5	5	5,6	○○○12345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

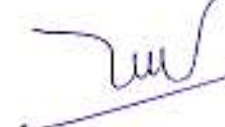
Xác nhận của khoa/lộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Văn Tiến


Phạm Quang Thắng


Nguyễn Thị Kiều Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118092	Nguyễn Chi Thanh	DH12CK	/	/	/	/	/	/	●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
2	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			6,8	5,5	5,5	5,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
3	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK			6,5	5,5	5,5	5,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
4	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			6,6	5,5	6	6	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
5	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			6,6	6	7	6,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
6	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
7	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			6,8	5,5	4	5,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
8	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			6,9	6	4,5	5,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
9	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			7,3	5	4	5,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
10	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			6,6	5,5	5,5	5,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
11	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			7,2	3	3	4,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
12	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK			8	6,5	7	7,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
13	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			6,2	5,5	5	5,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
14	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
15	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			7,4	4,5	4,5	5,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
16	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			9,5	8	8,5	8,6	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
17	13118176	Lê Đình Khả	DH13CK			7,5	7	5,5	6,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
18	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC			8,7	8,5	7,5	8,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			7	6	6	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DH13CK			7,2	7,5	7	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK			6,8	5,5	7	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK			5,4	4	4	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			7,3	6,5	6,5	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118275	Dũng Anh Thảo	DH13CK			7,4	7,5	6,5	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			6,1	6	7	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13118364	Trương Công Hoài Trung	DH13CK	/	/	/	/	/	/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC			7,4	5	7	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK			6,8	7	7	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

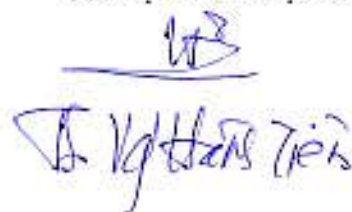
Cán bộ coi thi 1

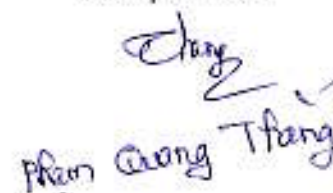
Cán bộ coi thi 2

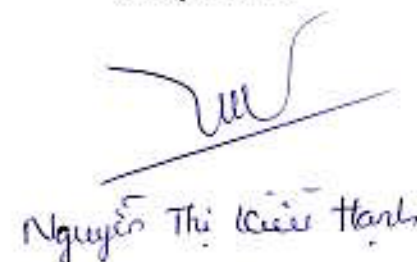
Nhận của khoa/học môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2







Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học kỹ thuật (207102) - 001 DH12OT_02

Sở Tài Chính 4

Negotiated 24/06/2016

Giờ Thứ: 12:15

Phong Lin RD203

Công viên: Nông Thành Tiến

Log

ĐIỂM ĐÓT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Điểm			Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
							D1 %	D2 %	D3 %			
1	111510037	Dặng Minh	Hoàng	DH11001			1,5	3,0	1,5	6,0	001234567890	0123456789
2	111510053	Trần Thị Thanh	Tùng	DH11001			1,3	2,8	3,0	7,1	001234567890	0123456789
3	1211510050	Phạm Công	Phúc	DH12001			2,0	2,7	3,0	7,7	001234567890	0123456789
4	1211810015	Nguyễn Ngọc	Trần	DH1200K							001234567890	0123456789
5	1211510093	Dặng Văn út	Em	DH12001			2,0	3,0	3,0	8,0	001234567890	0123456789
6	1211500044	Hồ Đức	Hành	DH12001			1,5	3,1	3,0	7,6	001234567890	0123456789
7	1211510008	Nguyễn Chí	Quốc	DH12001			1,8	3,4	2,5	7,7	001234567890	0123456789
8	1211510013	Lý Kim	Xân	DH12001			1,8	2,9	2,5	7,2	001234567890	0123456789
9	1211510015	Nguyễn Thiện	Khai	DH12001			1,5	3,8	3,0	8,3	001234567890	0123456789
10	1211510020	Huyền Thanh	Phụng	DH12001			1,8	3,8	3,0	8,6	001234567890	0123456789
11	1211510021	Trần Văn	Thắng	DH12001			1,8	3,8	1,5	7,1	001234567890	0123456789
12	1211510022	Bùi Ngọc	An	DH12001			1,5	4,3	3,0	8,8	001234567890	0123456789
13	1211510026	Vũ Quang	Bình	DH12001			1,5	3,5	2,0	7,0	001234567890	0123456789
14	1211510030	Lê Quốc	Bao	DH12001			2,0	3,8	3,0	8,8	001234567890	0123456789
15	1211510032	Cao Văn	Hoàn	DH12001							001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Cơ học kỹ thuật (207102) - 001_DHH201_02

Số Tin Ch: 4

Ngày Thi: 24/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD203

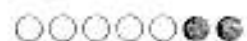
Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DHH201 (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3	Điểm L. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154034	Trần Tuấn Anh	DHH201			1,5	2,4	2,8	6,7	○○○12345●789○	○123456●89
17	12154039	Trần Tiến Dũng	DHH201			1,5	3,4	2,5	7,4	○○123456●789○	○123●5678○
18	12154043	Đương Nhật Cường	DHH201			1,8	1,8	1,0	4,6	○○123●456789○	○12345●78○
19	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DHH201			1,2	2,8	2,0	6,0	○○12345●6789○	●12345678○
20	12154059	Nguyễn Hoàng Sơn	DHH201			1,5	3,0	2,0	6,5	○○12345●6789○	○1234●45678○
21	12154062	Đỗ Văn Quý	DHH201			1,8	3,1	2,8	7,7	○○123456●789○	○12345●678○
22	12154063	Bùi Thành Dũng	DHH201			1,8	2,7	2,5	7,0	○○123456●789○	●12345676○
23	12154065	Đinh Lê Hoàng Vũ	DHH201			1,8	3,4	2,0	7,2	○○123456●789○	○1●2345678○
24	12154066	Trần Công Hoàng	DHH201			1,3	3,3	1,0	5,6	○○12345●6789○	○12345●678○
25	12154082	Nguyễn Thanh Sơn	DHH201			1,5	3,4	1,5	6,4	○○12345●6789○	○123●45678○
26	12154085	Lê Đình Trương Hoàng	DHH201							●○○123456789○	○12345678○
27	12154086	Thịnh Minh Quý	DHH201			2,0	3,4	2,5	7,9	○○123456●789○	○12345678●
28	12154089	Nguyễn Văn Sỹ	DHH201			1,8	3,8	2,5	8,1	○○12345678●9○	○●12345678○
29	12154102	Trần Tuấn Cường	DHH201			1,5	3,6	2,5	7,6	○○123456●789○	○12345●678○
30	12154112	Nguyễn Công Kiên	DHH201			1,5	4,3	3,0	8,8	○○1234567●89○	○1234567●8○



Mã nhận dạng 05058

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học kỹ thuật (207102) - 001_DH120T_02

Số tín chỉ: 4

Ngày thi: 24/06/2016

Giờ thi: 12:15

Phòng thi: RD203

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH120T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154113	Lê Đức Nghĩa	DH120T			4,5	3,5	3,0	8,0	000123456789	0123456789
32	12154120	Bùi Ngọc Khoa	DH120T			0,8	1,2	2,5	5,0	000123456789	0123456789
33	12154124	Trương Thành Trung	DH120T			1,5	2,8	3,0	7,3	000123456789	0123456789
34	12154132	Nguyễn Văn Tuấn	DH120T			1,8	3,8	2,5	8,1	000123456789	0123456789
35	12154133	Nguyễn Minh Tuấn	DH120T			1,8	3,8	3,0	8,6	000123456789	0123456789
36	12154138	Mai Văn Nhân	DH120T			2,0	4,3	3,0	9,3	000123456789	0123456789
37	12154142	Nguyễn Hoàng Lộc	DH120T			1,8	4,2	3,0	9,0	000123456789	0123456789
38	12154143	Lưu Văn Kiệt	DH120T			1,8	2,2	2,0	6,5	000123456789	0123456789
39	12154147	Phạm Ngọc Đạt	DH120T			1,5	2,2	2,0	6,2	000123456789	0123456789

Số sinh viên dự thi: 8 Số sinh viên vắng: 3

Ngày: ... Tháng: ... Năm: ...

Chủ tịch coi thi 1

Chủ tịch coi thi 2

Viết nhận của Hội Môn

Chủ tịch Chấm Thi 1

Chủ tịch Chấm Thi 2

Lê Văn Nhân

TS. Vương Thành Tiên

Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học kỹ thuật (207102) - 002_DH120T_02

Số Tin Ch: 4

Ngày Thi: 24/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD504

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp: DH120T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	30% Điểm Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154154	Kim Thanh Tuấn	DH120T			4,3	3,0	1,5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	12154164	Trần Xuân Quang	DH120T			1,5	0,0	4,0	1,5	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④●⑥⑦⑧⑩
3	12154166	Đinh Văn Lợi	DH120T			1,5	3,3	1,5	6,6	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑩
4	12154172	Trần Văn Sĩ	DH120T			1,5	2,9	3,0	7,4	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑩
5	12154179	Trần Trung Thành	DH120T			2,0	3,8	3,0	8,8	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	12154181	Hoàng Lê Anh	DH120T			1,8	3,3	1,0	6,1	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑩
7	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH120T			1,8	2,9	2,0	6,7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	12154187	Nguyễn Quốc Thịnh	DH120T			2,0	3,4	3,0	8,4	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑩
9	12154193	Vũ Mạnh Linh	DH120T			1,8	3,4	2,0	7,2	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑩
10	12154197	Trần Ngọc Toán	DH120T			1,5	1,0	3,0	5,5	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑩
11	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH120T			1,0	2,4	3,0	6,4	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑩
12	12154199	Nguyễn Thành Tông	DH120T			1,5	2,6	2,0	6,1	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑩
13	12154206	Phạm Hùng Quyền	DH120T			1,8	3,2	3,0	8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑩
14	12154222	Lê Quang Hòa	DH120T			2,0	4,5	3,0	9,5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑩
15	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH120T			1,5	0,3	2,2	4,0	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑩



Mã nhận dạng 05059

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học kỹ thuật (207102) - 002_DH120T_02

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 24/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD504

Giảng viên: Vương Thành Tiên

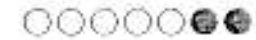
Lớp DH120T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154231	Thảo Xuân	Độc			1,8	3,5	3,0	8,3	00012345678910	00123456789
17	12154232	Nguyễn Việt	Lâm			1,5	2,4	2,0	5,9	00012345678910	00123456789
18	12154235	Nguyễn Đình	Quý			1,8	2,5	2,0	6,3	00012345678910	00123456789
19	12154237	Nguyễn Chánh	Lâm			1,8	2,5	2,5	6,8	00012345678910	00123456789
20	12154239	Nguyễn Văn	Lâm			1,5	2,5	0,5	4,5	00012345678910	00123456789
21	12154240	Nguyễn Thanh	Lâm			2,0	4,5	1,8	8,3	00012345678910	00123456789
22	12154247	Nguyễn Chánh	Quang			1,8	3,8	1,5	7,1	00012345678910	00123456789
23	12154249	Phạm Thành	Lâm			2,0	3,2	2,0	7,2	00012345678910	00123456789
24	12154259	Trần Kim	Lộc			1,5	3,6	2,5	7,6	00012345678910	00123456789
25	13118227	Phạm Văn	Sinh			1,8	2,9	3,0	7,7	00012345678910	00123456789
26	13118240	Huỳnh Hân	Phước			1,8	1,7	3,0	6,5	00012345678910	00123456789
27	13118333	Nguyễn Anh	Trần			1,8	2,2	2,8	6,8	00012345678910	00123456789
28	13118359	Vũ Gia	Vũ			1,3	4,0	3,0	8,3	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 05059



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ học kỹ thuật (207102) - 002_DH1201_02

Số tín chỉ 4

Ngày Thi 24/06/2016

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số 10	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 28 Số sinh viên vắng 0

Ngày Tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Tiến

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Nhân nhận của Bộ Môn

Liển Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

TS. Kiều Thanh Trúc

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001 DH14CB 01

Số Tín (T) = 3

Ngày Thi: 24/06/2016

Glossary: 12:15

Phone: 414-761-2041

Giảng viên: Vương Thanh Tiên

Ling

D113CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

1. $\text{C}_2\text{H}_5\text{Br}$

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 10%	D3 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115022	Nguyễn Hồng Tâm	Dạ	13113CB						0011234567899	0123456789
2	13115116	Nguyễn Hoàng	Thương	13113CB						0011234567899	0123456789
3	13115150	Trần Thị Lan	Anh	13113CB						0011234567899	0123456789
4	13115162	Ngô Ngọc Bích	Châu	13113CB	Chau	0,8	0,5	0,5	1,8	0011234567899	0123456789
5	13115319	Phạm Hoàng	Phu	13113CB	Phu	3,0	0,5	0,5	4,0	0011234567899	0123456789
6	13115438	Đương Thị Hồng	Trinh	13113CB	Trinh	0,5	0,5	0,5	1,5	0011234567899	0123456789
7	13115464	Đỗ Thị Minh	Tu	13113CB	Tu	2,85	1,0	2,85	6,5	0011234567899	0123456789
8	13115442	Tạ Văn	Bình	13113CB	Ta	3,0	0,5	0,5	4,0	0011234567899	0123456789
9	13334181	Trần Văn	Thành	13113CB	Anh	1,5	1,0	1,5	4,0	0011234567899	0123456789
10	14115022	Phan Hiền	Đức	14113CB	Phu	3,0	1,0	0,8	4,8	0011234567899	0123456789
11	14115036	Vũ Ngọc	Hiền	14113CB	Phu	2,5	1,0	2,0	5,5	0011234567899	0123456789
12	14115137	Đương Xuân	Tân	14113CB						0011234567899	0123456789
13	14115199	Đỗ Dương Anh	Ly	14113CB	Anh	1,8	1,0	2,0	4,8	0011234567899	0123456789
14	14115252	Vũ Thị Thái Hòa	Tiến	14113CB	Tien	2,5	1,0	1,3	4,8	0011234567899	0123456789
15	14115266	Phạm Thị Băng	Tuyền	14113CB	Phu	1,5	1,0	1,8	4,3	0011234567899	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH14CB_01

Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH14CB (Chế biến lâm sàng)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115409	Nguyễn Hồng	Trần	DH14CB		3,0	0,5	0,5	4,0	○●○123456789○	●1123456789
17	14115418	Phạm Việt	Nhất	DH14CB		1,3	0,5	0,0	1,8	○●○123456789○	○1123456789
18	14115451	Ngô Xuân	Trần	DH14CB		2,8	1,0	1,0	4,8	○●○123456789○	○1123456789
19	14118069	Nguyễn Văn	Phấn	DH14CB						●○1123456789○	○1123456789
20	14118078	Nguyễn Công	Trần	DH14CB		2,5	1,0	2,5	6,0	○●○123456789○	●1123456789
21	14118114	Trần Văn	Chức	DH14CB		1,25	0,5	1,75	3,5	○●○123456789○	○1123456789
22	14118136	Nguyễn Minh	Cường	DH14CB		1,0	0,5	0,3	1,8	○●○123456789○	○1123456789
23	14118138	Nguyễn Văn	Duy	DH14CB		2,0	1,0	1,3	4,3	○●○123456789○	○1123456789
24	14118131	Lê Văn	Dương	DH14CB		1,5	1,0	3,3	5,8	○●○123456789○	○1123456789
25	14118186	Phạm Anh	Khôn	DH14CB		2,3	1,0	0,0	3,3	○●○123456789○	○1123456789
26	14118200	Phạm Quang	Nam	DH14CB		2,3	0,5	0,0	2,8	○●○123456789○	○1123456789
27	14118210	Nguyễn Minh	Nhất	DH14CB		1,75	1,0	0,75	3,5	○●○123456789○	○1123456789
28	14118217	Đỗ Thanh	Phong	DH14CB		2,0	1,0	0,0	3,0	○●○123456789○	●1123456789
29	14118218	Phạm Thanh	Phong	DH14CB		2,25	1,0	1,25	4,5	○●○123456789○	○1123456789
30	14118219	Trần Nguyễn Hoàng	Phong	DH14CB		0,75	0,0	2,25	3,0	○●○123456789○	●1123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001 DH14CB 01

Số Tín (T) 3

Ngày Thi 21/06/2016

Caño Thi: 12:15

Phong thu TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp DH14CK (Cà phê nông lâm)

Table 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118221	Nguyễn Thanh	Phuong	ĐH14CK	2	1,3	1,0	3,5	5,8	00012345678900	001234567890
32	14118259	Nguyễn Gia	Thế	ĐH14CK		1,25	0,5	1,25	3,0	00012345678900	001234567890
33	14118287	Lê Văn	Trang	ĐH14CK		1,75	1,0	1,75	4,5	00012345678900	001234567890
34	14118292	Nguyễn Tài	Truyền	ĐH14CK		0,5	0,5	0,0	1,0	00012345678900	001234567890
35	14118293	Lê Văn	Trang	ĐH14CK		1,5	0,0	0,0	1,5	00012345678900	001234567890
36	14118308	Lê Trọng	Vân	ĐH14CK						00012345678900	001234567890
37	14137004	Nguyễn Hoài	Sơn	ĐH14NI		1,0	1,0	0,3	2,3	00012345678900	001234567890
38	14137008	Lê Đình	Ba	ĐH14NI		1,25	0,5	0,25	2,0	00012345678900	001234567890
39	14137047	Ngô Thị Ngọc	Thuyền	ĐH14NI		2,0	1,0	2,5	5,5	00012345678900	001234567890
40	14137048	Nguyễn Văn	Kai	ĐH14NI						00012345678900	001234567890
41	14137055	Nguyễn Hữu	Sơn	ĐH14NI		0,8	0,5	1,5	2,8	00012345678900	001234567890
42	14137072	Nguyễn Thuận	Thế	ĐH14NI		2,0	1,0	2,5	5,5	00012345678900	001234567890
43	14137080	Nguyễn Ngọc	Trần	ĐH14NI		2,5	1,0	4,5	8,0	00012345678900	001234567890
44	14137086	Vũ Quốc	Trinh	ĐH14NI		1,0	1,0	2,3	4,3	00012345678900	001234567890
45	14137091	Phạm Đức	Truyền	ĐH14NI		2,0	1,0	0,0	3,0	00012345678900	001234567890



Mã nhận dạng 05060

Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH14C B_01

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV201

Giảng viên: Vương Thành Liên

Lớp: DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14137092	Cao Văn Hùng	DH14NL			0,75	1,0	0,25	2,0	0001234567890	0123456789
47	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			2,0	1,0	0,3	3,3	0001234567890	0123456789
48	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD		2	3,0	1,0	4,5	8,5	0001234567890	0123456789
49	14153031	Lê Như Nam	DH14CD			1,75	0,5	0,25	2,5	0001234567890	0123456789
50	14153032	Nguyễn Thành Nam	DH14CD			2,75	1,0	0,25	4,0	0001234567890	0123456789
51	14153033	Nguyễn Sĩ Đại	DH14CD							0001234567890	0123456789
52	14153034	Đặng Thành Nghĩa	DH14CD			2,0	0,5	0,0	2,5	0001234567890	0123456789
53	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			2,75	1,0	0,25	4,0	0001234567890	0123456789
54	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			3,0	0,5	0,5	4,0	0001234567890	0123456789
55	14153045	Vũ Xuân Quốc Anh	DH14CD			3,0	1,0	1,5	5,5	0001234567890	0123456789
56	14153059	Phạm Ngọc Huyền	DH14CD			2,0	0,5	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
57	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD			2,25	1,0	3,25	6,5	0001234567890	0123456789
58	14153070	Mai Ngọc Đỗ	DH14CD			1,75	1,0	0,25	3,0	0001234567890	0123456789
59	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD			1,0	1,0	0,0	2,0	0001234567890	0123456789
60	14153129	Phạm Hoàng Thôn	DH14CD			1,25	1,0	0,25	2,5	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05060



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH14CB_01

Số Tin CL: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp:

DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

S.TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153138	Phạm Văn Trọng	DH14C1	<i>Trọng</i>		2,5	1,0	2,0	5,5	001234567899	00123456789
62	14154017	Lê Minh Hải	DH14C1	<i>HL</i>		1,3	0,5	0,0	1,8	001234567899	00123456789
63	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14C1	<i>Sanh</i>		1,25	1,0	1,25	4,0	001234567899	00123456789
64	14154049	Hoàng Ngọc Tân	DH14C1	<i>HT</i>		2,5	1,0	0,0	3,5	001234567899	00123456789
65	14154058	Lê Đình Tiến	DH14C1	<i>LT</i>		2,5	1,0	2,3	5,8	001234567899	00123456789
66	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14C1							001234567899	00123456789
67	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14C1	<i>HT</i>		2,25	1,0	2,75	6,0	001234567899	00123456789
68	14154133	Trương Thái Phi	DH14C1	<i>HT</i>	2	2,5	1,0	3,5	7,0	001234567899	00123456789
69	14154137	Đỗ Tiến Quý	DH14C1	<i>DT</i>		2,3	1,0	3,0	6,3	001234567899	00123456789
70	14154139	Lê Tấn Tài	DH14C1	<i>LT</i>		1,5	0,5	0,3	2,3	001234567899	00123456789

Số sinh viên dự thi: 61 Số sinh viên vắng: 9

Ngày Tháng Năm

Chữ ký của thí sinh 1

Chữ ký của thí sinh 2

Xác nhận của Bộ Môn

Chữ ký của Giám Thị 1

Chữ ký của Giám Thị 2

PGS.V. Tuấn Anh

Cao Đức Lợi

Lê Văn Bình

PGS. Vương Thành Tiến

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001 DH14GB 02

Số Tín Ch: 3

Ngày thi: 21/06/2016

Gal 1:12 12:15

Phong Hu CT202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Loup

DH10CD (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Cơ - Điện tử-2010)

Table 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chức vụ	Số tờ	Điểm			Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
							D1 30%	D2 10%	D3 60%			
1	10153055	Đoàn Anh	Dạy	DH110CD	✓	✓					001234567890	0123456789
2	11154053	Huỳnh Thanh	Tung	DH110G	✓		2,0	1,0	1,3	4,3	001234567890	0123456789
3	12115097	Trần Mạnh	Quyết	DH120GN	✓		2,0	1,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
4	12118315	Nguyễn Ngọc	Lai	DH120K	✓	✓					001234567890	0123456789
5	12138001	Nguyễn Trường	Chính	DH121D	✓		1,25	1,0	1,75	4,0	001234567890	0123456789
6	12153330	Đỗ Văn	Sang	DH12C1	✓		1,5	0,0	2,5	4,0	001234567890	0123456789
7	12154182	Phan Duy	Thâm	DH120H	✓	✓					001234567890	0123456789
8	12154223	Lê Công Tuấn	Anh	DH120Y	✓		2,0	1,0	1,3	4,3	001234567890	0123456789
9	12154247	Nguyễn Chánh	Quang	DH120H	✓		1,25	1,0	2,25	4,5	001234567890	0123456789
10	13115217	Nguyễn Minh	Hoàng	DH130B	✓	✓					001234567890	0123456789
11	13115351	Hồ Phúc	Quy	DH130B	✓		1,5	1,0	2,3	4,8	001234567890	0123456789
12	13115393	Lê Văn	Thức	DH130H	✓		1,5	1,0	0,0	2,5	001234567890	0123456789
13	13115488	Huỳnh Thị Ngọc	Lai	DH130B	✓		2,0	1,0	1,5	4,5	001234567890	0123456789
14	13115489	Hà Thu	Phượng	DH130H	✓		1,75	1,0	1,75	4,5	001234567890	0123456789
15	13115492	Nguyễn Thị	Thơm	DH130H	✓		2,0	1,0	2,8	5,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05061



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH14GB_02

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: CT202

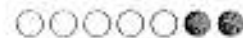
Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp:

DH13CC (Cơ khí chế biến bán quân NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC	✓	✓					001234567890	0123456789
17	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK	huc		1,25	4,0	3,25	5,5	001234567890	0123456789
18	13118109	Nguyễn Trọng Hùng	DH13CK	guc		1,5	4,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
19	13118176	Lê Đình Khoa	DH13CK	lcha		1,75	4,5	1,75	4,0	001234567890	0123456789
20	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK	Vuc		2,3	1,0	3,5	6,8	001234567890	0123456789
21	13118279	Trương Quang Thành	DH13CK	Jo		1,5	1,0	2,5	5,0	001234567890	0123456789
22	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC	D		3,0	1,0	4,0	8,0	001234567890	0123456789
23	13118358	Phạm Minh Tuấn	DH13CC	F		1,25	0,5	0,25	2,0	001234567890	0123456789
24	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàng	DH13N	n		2,0	1,0	3,0	6,0	001234567890	0123456789
25	13138198	Phạm Liên Thành	DH1311	zsh		1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
26	13138200	Lê Ngọc Dương	DH1311	h		1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
27	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD	Thyl		0,3	0,5	0,0	0,8	001234567890	0123456789
28	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD	A		3,0	1,0	3,0	7,0	001234567890	0123456789
29	13154008	Võ Thanh Duy	DH130T	ca		0,3	0,0	0,0	0,3	001234567890	0123456789
30	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH130T	duy		2,0	1,0	5,0	8,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05061

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH14GB_02

Số Tin CT 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi C1202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Loại SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154014	Cao Xuân	Giáp	DH130T			2,0	0,5	3,0	5,5	001234567890	0123456789
32	13154048	Phạm Hữu	Quý	DH130T			2,0	1,0	3,3	6,3	001234567890	0123456789
33	13154065	Nguyễn Văn	Trang	DH130T			2,0	0,5	4,0	6,5	001234567890	0123456789
34	13154111	Hoàng Ngọc	Hoài	DH130T			2,8	1,0	4,0	7,8	001234567890	0123456789
35	13154144	Đoàn	Lợi	DH130T		✓					001234567890	0123456789
36	13154161	Thương Minh	Quang	DH130T			2,0	1,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
37	13334001	Vũ Ngọc	An	CTD130T			(cấm thi)				001234567890	0123456789
38	13334042	Nguyễn Triết	Đương	CTD130T			2,0	1,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
39	13334074	Lương Văn	Hoàng	CTD130T			1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
40	13334171	Trần Tấn	Tại	CTD130T		✓					001234567890	0123456789
41	13334172	Nguyễn Minh	Lâm	CTD130T			1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
42	13334175	Đoàn Thiện	Thành	CTD130T			2,5	1,0	0,5	4,0	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi 35. Số sinh viên vắng 07

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Ban bộ coi thi 1

Ban bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Ban Bộ Chấm Thi 1

Ban Bộ Chấm Thi 2

Ngô Hải Đăng

Ngô Thị Hồng Diệp

Lê Văn Ban

B. Vương Thành Tiên

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002_DH14GB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp CD13CT (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Đ3 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334216	Phạm Văn Tuấn	CD13CT	Jun		2,0	4,0	1,0	4,0	○○○12345678910	①123456789
2	13334222	Tô Đình Trí	CD13CT	Trí		1,5	4,0	1,5	4,0	○○○12345678910	①123456789
3	13334236	Phạm Minh Tuấn	CD13CT							●○○12345678910	①123456789
4	14115060	Lê Thị Thào	DH14GB							●○○12345678910	①123456789
5	14115204	Nguyễn Nhật Minh	DH14GB							●○○12345678910	①123456789
6	14115235	Phạm Trung Thành	DH14GB	the		2,5	4,0	2,5	6,0	○○○12345678910	①123456789
7	14115240	Vũ Thị Ngọc Thâm	DH14GB							●○○12345678910	①123456789
8	14115311	Lê Thị Hiền	DH14GB	Hien		2,0	4,0	2,0	5,0	○○○12345678910	①123456789
9	14118022	Nguyễn Minh Hải	DH14GB	Hai		2,0	4,0	1,0	4,0	○○○12345678910	①123456789
10	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14GB							●○○12345678910	①123456789
11	14118063	Hàng Nhàn Ngọc	DH14GB							●○○12345678910	①123456789
12	14118089	Nguyễn Nhật Truyền	DH14GB	Truyen		1,0	4,0	3,5	5,5	○○○12345678910	①123456789
13	14118109	Đào Hiền Cảnh	DH14GB	Canh	2	2,0	4,0	2,8	5,8	○○○12345678910	①123456789
14	14118122	Nguyễn Cường	DH14GB	Cuong		2,5	4,0	2,0	5,5	○○○12345678910	①123456789
15	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14GB	Khoa		0,0	0,0	0,8	0,8	○○○12345678910	①123456789



Mã nhận dạng 05062

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002_DH14GB_02

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: CT102

Giảng viên: Vương Thành Tiến

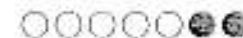
Lớp: DH14CC (Cơ khí chế biến bán quản NSTP)

Trang 2

S.T.T	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC	Khôi		(cẩn thi)				0001234567890	00123456780
17	14118198	Mai Văn Minh	DH14CC	Minh	2	2,75	1,0	4,25	8,0	0001234567890	00123456780
18	14118227	Nguyễn Thanh Phương	DH14CC	Phuoc		2,3	1,0	4,0	7,3	0001234567890	00123456780
19	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	Quang	2	1,0	1,0	2,8	4,8	0001234567890	00123456780
20	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC	Son	2	2,5	1,0	3,5	7,0	0001234567890	00123456780
21	14118260	Nguyễn Tân Phước	DH14CC	Phuoc		1,25	1,0	1,75	4,0	0001234567890	00123456780
22	14118304	Phạm Thanh Long	DH14CC	Thao		2,2	0,5	1,0	4,3	0001234567890	00123456780
23	14153006	Hồ Vĩnh Quý	DH14CC	Qu		1,25	0,0	0,25	2,5	0001234567890	00123456780
24	14153009	Nguyễn Hoàng Liên	DH14CC	Lin		0,8	1,0	0,0	1,8	0001234567890	00123456780
25	14153050	Nguyễn Phú Thuận	DH14CC	Thun		4,25	1,0	0,25	3,0	0001234567890	00123456780
26	14153050	Dương Minh Tuấn	DH14CC	Tun						0001234567890	00123456780
27	14153070	Bùi Văn Hoàn	DH14CC	Hoan		2,0	0,5	1,5	4,0	0001234567890	00123456780
28	14153088	Huyền Thanh Hoàng	DH14CC	Hoang		1,0	1,0	2,8	4,8	0001234567890	00123456780
29	14153117	Trần Tuân	DH14CC	Tuan		1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	00123456780
30	14153117	Phạm Ngọc Trâm	DH14CC	Tram		2,75	1,0	3,75	7,5	0001234567890	00123456780



Mã nhận dạng 05062



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002_DH14GB_02

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: CT102

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm K
31	14153139	Lê Văn Trương	DH14CD			1,5	4,0	3,0	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH1401			4,8	0,5	1,0	3,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14154029	Võ Anh Kiệt	DH1401							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14154044	Điền Quyết	DH1401			4,75	0,5	0,25	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH1401			1,8	1,0	1,5	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14154126	Phạm Anh Ngọc	DH1401			1,3	0,5	4,5	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	14154142	Trương Quang Hoàng	DH1401		2	2,5	0,5	4,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH1511			0,25	1,0	0,75	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 30 Số sinh viên vắng: 08

Ngày 21 Tháng 06 Năm 2016

Chủ tịch coi thi 1

Chủ tịch coi thi 2

Nặc danh của Bộ Môn

Chủ Bộ Chair Thi 1

Chủ Bộ Chair Thi 2

Nguyễn Văn Sỹ
Võ Thị Ngọc Bội

Lê Văn Bội
Võ Thị Ngọc Bội

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH15CC_03

Số Tin C) 3

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

S.T.T	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 40%	D3 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115027	Huỳnh Tập	Đức	DH13CB		2,25	1,0	1,25	4,5	0001234567890	0123456789
2	13115176	Nguyễn Ngọc	Dang	DH13GN		2,0	1,0	2,5	5,5	0001234567890	0123456789
3	13115361	Nguyễn Ngọc	Son	DH13CB		1,0	1,0	6,0	8,0	0001234567890	0123456789
4	13137065	Huỳnh Ngọc	Hòa	DH13NI		2,0	1,0	2,5	5,5	0001234567890	0123456789
5	13137069	Nguyễn Mạnh	Hàng	DH13NI		2,25	1,0	2,25	6,0	0001234567890	0123456789
6	13154055	Hà Chí	Thanh	DH1301		2,5	1,0	2,8	6,3	0001234567890	0123456789
7	13154369	Nguyễn Văn	Tiê	DH1301		2,0	1,0	1,0	4,0	0001234567890	0123456789
8	14118004	Dương Văn	Bao	DH130K		1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
9	14118019	Nguyễn Hùng	Giảng	DH130C		1,0	1,0	1,3	3,3	0001234567890	0123456789
10	14118047	Nguyễn Hữu	Phúc	DH130C		1,5	1,0	3,0	5,5	0001234567890	0123456789
11	14118068	Nguyễn Quốc	Thiện	DH130K	V	V				0001234567890	0123456789
12	14118117	Lê Tiến	Công	DH130K		2,8	0,5	1,5	4,8	0001234567890	0123456789
13	14118193	Trần Như	Lương	DH130C		1,25	1,0	2,25	4,5	0001234567890	0123456789
14	14118206	Lê Tư	Nguyễn	DH130C		2,0	1,0	2,5	5,5	0001234567890	0123456789
15	14118240	Trịnh Văn	Son	DH130K		0,5	1,0	1,5	3,0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05063

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm: Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.S2	Điểm t. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK	<i>Vinh</i>		1,0	1,0	4,0	6,0	0001020304050607080910	00123456789
17	14153125	Lưu Đức Thu	DH14CD	<i>Đức</i>		1,5	1,0	0,0	2,5	0001020304050607080910	00123456789
18	14154020	Vũ Anh Hiếu	DH1401	<i>Anh</i>		1,5	0,5	2,0	4,0	0001020304050607080910	00123456789
19	15115170	Nguyễn Quốc Tuấn	DH15CK	<i>Quốc</i>		1,0	1,0	3,8	5,8	0001020304050607080910	00123456789
20	15115184	Nguyễn Long Minh	Trung	<i>Minh</i>		0,5	1,0	1,5	3,0	0001020304050607080910	00123456789
21	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	<i>Đạt</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
22	15118017	Đoàn Ngọc Đồng	DH15CK	<i>Đồng</i>		2,0	1,0	1,5	4,5	0001020304050607080910	00123456789
23	15118018	Nguyễn Thanh Đồng	DH15CK	<i>Đồng</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
24	15118019	Nguyễn Lân Đồng	DH15CK	<i>Đồng</i>		1,0	0,0	0,5	1,5	0001020304050607080910	00123456789
25	15118022	Trần Hoàng Đồng	DH15CK	<i>Đồng</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
26	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	Đương	<i>Hoàng</i>		1,0	0,5	0,5	2,0	0001020304050607080910	00123456789
27	15118027	Phạm Khánh Đạt	DH15CK	<i>Đạt</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
28	15118028	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CK	<i>Hải</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
29	15118030	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CK	<i>Hải</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789
30	15118032	Ngô Đạt	DH15CK	<i>Đạt</i>	V V					0001020304050607080910	00123456789



Mã nhận dạng 05063

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH15CC_03

Số Tin CT 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bán quan NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118033	Đào Trung	Thiên	DH15CC	V V					001234567890	0123456789
32	15118035	Nguyễn Xuân	Thiên	DH15CC	đh	0,8	1,0	1,0	2,8	001234567890	0123456789
33	15118037	Nguyễn Công	Thiên	DH15CC	đh	2,5	1,0	1,0	4,5	001234567890	0123456789
34	15118038	Lê Sĩ	Thiên	DH15CC	đh	2,0	1,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
35	15118042	Nguyễn Văn	Thiên	DH15CC	đh	0,3	0,5	0,0	0,8	001234567890	0123456789
36	15118044	Nguyễn Quốc	Thiên	DH15CC	khánh	1,0	1,0	0,5	2,5	001234567890	0123456789
37	15118048	Nguyễn Văn	Thiên	DH15CC	V V					001234567890	0123456789
38	15118051	Mai Văn	Thiên	DH15CC	đh	0,75	1,0	0,25	2,0	001234567890	0123456789
39	15118052	Trần An	Thiên	DH15CC	đh	1,5	1,0	0,0	2,5	001234567890	0123456789
40	15118055	Lê Thanh	Thiên	DH15CC	đh	2,0	1,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
41	15118057	Nguyễn Thanh	Thiên	DH15CC	đh	2,3	1,0	1,0	4,3	001234567890	0123456789
42	15118059	Trương Minh	Thiên	DH15CC	đh	1,5	1,0	2,0	4,5	001234567890	0123456789
43	15118060	Phạm Văn	Thiên	DH15CC	đh	1,5	1,0	2,0	4,5	001234567890	0123456789
44	15118064	Nguyễn Đức	Thiên	DH15CC	đh	1,0	1,0	0,0	2,0	001234567890	0123456789
45	15118068	Phạm Đức	Thiên	DH15CC	đh	1,5	0,5	0,3	2,3	001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH15CC_03

Số Tin CT 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên:Vương Thành Tiên

Lớp

DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ	
46	15118071	Phạm Đỗ Trung	Nghĩa	DH15CK	V	V				●○○○23456789●	○○123456789	
47	15118077	Nguyễn Minh	Nhật	DH15CK	<i>[Signature]</i>		1,25	1,0	0,25	3,5	○○○○2●456789●	○○1234●○○789
48	15118079	Nguyễn Thanh	Phong	DH15CK	<i>[Signature]</i>		0,8	1,0	0,5	2,3	○○○○23456789●	○○12●456789
49	15118083	Vũ Hải	Quân	DH15CK	V	V				●○○○23456789●	○○123456789	
50	15118093	Phạm Ngọc	Tập	DH15CK	<i>Tập</i>		(cấm thi)			○○○○23456789●	○○12345○○789	
51	15118096	Nguyễn Tiến	Thành	DH15CK	V	V				●○○○23456789●	○○123456789	
52	15118101	Phạm Minh	Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		0,8	1,0	0,0	1,8	○○●○○3456789●	○○1234567●9
53	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toán	DH15CK	<i>Loan</i>		2,5	1,0	1,0	4,5	○○○○23●456789●	○○1234●56789
54	15118112	Nguyễn Hòa	Trần	DH15CK	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	3,3	4,8	○○○○23●456789●	○○12345678●9
55	15118114	Tô Đức	Trí	DH15CK	<i>Do</i>		(cấm thi)			○○○○23456789●	○○123456789	
56	15118118	Nguyễn Bảo	Trọng	DH15CK	V	V				●○○○23456789●	○○123456789	
57	15118120	Trần Nguyễn Quốc	Trang	DH15CK	<i>[Signature]</i>		(cấm thi)			○○○○23456789●	○○123456789	
58	15118123	Trần Thanh	Tú	DH15CK	<i>[Signature]</i>		(cấm thi)			○○○○23456789●	○○123456789	
59	15118124	Bùi Anh	Trần	DH15CK	<i>[Signature]</i>		1,25	0,5	0,25	2,0	○○○○23456789●	●○○123456789
60	15118126	Nguyễn Minh	Trần	DH15CK	<i>[Signature]</i>		1,3	1,0	3,5	5,8	○○○○234●56789●	○○1234567●9

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH15CC_03

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	15118128	Hoàng Trung	Lương	DH15CC	<i>trung</i>	1,8	1,0	0,5	3,3	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
62	15118135	Bùi Nhật	Vương	DH15CC	<i>Wang</i>	1,5	1,0	0,3	2,8	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
63	15137031	Nguyễn Hữu	Khai	DH15N1	V	V				●○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
64	15137037	Lê Nguyễn Trọng	Nhân	DH15N1	V	V				●○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
65	15137054	Chu Đức	Đông	DH15N1	<i>Chu</i>				(Cần thi)	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
66	15154020	Phạm Tấn	Hai	DH15O1	<i>Hai</i>	2,3	1,0	3,0	6,3	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
67	15154021	Nguyễn Trung	Hải	DH15O1	<i>Khai</i>	1,5	1,0	3,5	6,0	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
68	15154031	Nguyễn Hữu	Linh	DH15O1	<i>linh</i>	1,3	1,0	2,0	4,3	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
69	15154034	Trần Văn	Nghĩa	DH15O1	<i>anh</i>	1,5	1,0	1,5	4,0	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
70	15154056	Nguyễn Đình	Thức	DH15O1	<i>thi</i>	0,5	1,0	1,0	2,5	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
71	15154062	Nguyễn Duy	Trung	DH15O1	V	V				●○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●
72	15154073	Dương Văn	Duy	DH15O1	<i>Duy</i>	2,0	1,0	2,5	5,5	○○○●●●●●○○○○●●●●	○○○●●●●●○○○○●●●●

Số sinh viên dự thi: 55 Số sinh viên vắng: 17

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Trưởng ban thi 1

Trưởng ban thi 2

Đại diện của Bộ Môn

Chủ tịch Ban Thi 1

Chủ tịch Ban Thi 2

Le Khac Quai

Nguyen Truong

Le Van Ba

Truong Thanh Tien